

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2020/HS-ST
Ngày 07-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Thị Duyệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tô Thị Lợi

Bà Hoàng Thị Thu.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 90/2020/TLST-HS, ngày 13 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nông Văn T, sinh ngày 13 tháng 11 năm 1988 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn A (đã chết) và bà La Thị B; vợ: Hoàng Thị Cẩm V (đã ly hôn); con: Có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 29/11/2007, Tòa phúc thẩm tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt 10 năm tù giam về tội Hiếp dâm; bị bắt tạm giam trong một vụ án khác từ ngày 07/10/2020 đến nay; có mặt.

2. Hứa Hồng Q, sinh ngày 15 tháng 03 năm 1996 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã M, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hứa Quốc U và bà Đoàn Thị O; vợ: Vi Thị Linh Y; con: Có 2 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/5/2020 đến nay; có mặt.

Người làm chứng:

1. Chị Chu Thúy H; vắng mặt.
2. Chị Nguyễn Thị C; vắng mặt.
3. Chị Đặng Mùi L; vắng mặt.
4. Anh Lý Văn D; vắng mặt.
5. Anh Đoàn Quang N; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 22/5/2020, Tổ công tác Phòng trình sát Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn phối hợp với Đoàn Biên phòng Bảo Lâm; Công an huyện Cao Lộc; Phòng PA09; PA01 Công an tỉnh Lạng Sơn làm nhiệm vụ tuần tra kiểm soát tại khu vực thôn N, xã M, huyện C, tỉnh Lạng Sơn phát hiện xe ô tô biển kiểm soát 12A - 10358 đang chạy hướng thị trấn D vào xã M có biểu hiện nghi vấn. Tổ công tác đã tiến hành dừng lại kiểm tra. Qua kiểm tra trên xe, ngoài lái xe còn có 04 người (03 nữ, 01 nam). Tổ công tác yêu cầu cho kiểm tra giấy tờ tùy thân, người điều khiển xe ô tô là Đoàn Quang N, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn H, xã M, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; Nguyễn Thị C, sinh năm 1990, chỗ ở: Thôn E, xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa; Chu Thúy H, sinh năm 1987, chỗ ở: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; Lý Văn D, sinh năm 1989, chỗ ở: Xóm R, xã K, huyện G, tỉnh Cao Bằng; Đặng Mùi L, sinh năm 1995, chỗ ở: Thôn F, xã E, huyện R, tỉnh Đắk Lắk. Nguyễn Thị C, Chu Thúy H, Lý Văn D, Đặng Mùi L khai do có nhu cầu đi sang Trung Quốc nên đã liên lạc được với một người đàn ông Việt Nam có số điện thoại 03446902xx để người này đưa sang Trung Quốc. Tiến hành kiểm tra những người này không có giấy tờ liên quan đến việc xuất cảnh tổ công tác đã lập biên bản sự việc để tiếp tục điều tra theo quy định.

Tại Cơ quan điều tra Hứa Hồng Q và Nông Văn T khai nhận: Tháng 4/2019, do có nhu cầu đi làm, Nông Văn T quen với một người phụ nữ Việt Nam sử dụng tài khoản Wechat là “Định mệnh” đang sinh sống tại B, Q, Trung Quốc là người N đưa, đón người xuất cảnh trái phép và được người này đưa xuất cảnh trái phép sang N, Q, Trung Quốc làm thuê. Đến tháng 8/2019, Nông Văn T thông qua người này để được đưa về Việt Nam. Tháng 4/2020, tài khoản “Định mệnh” đặt vấn đề với Nông Văn T đón và giới thiệu người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc cho người này, người này sẽ trả tiền công từ 100 Nhân dân tệ đến 150 Nhân dân tệ/người, tùy vào số lượng người.

Khoảng 14 giờ ngày 22/5/2020, người có tài khoản “Định mệnh” liên lạc với Nông Văn T bảo đi ra bến xe B thành phố S, đón 03 người có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Nông Văn T đi từ nhà ra bến xe B thành phố S, tại đây Nông Văn T đón được 03 người phụ nữ: Nguyễn Thị C, Chu Thúy H và một người phụ nữ không biết tên. Sau khi đón được 03 người, người có tài khoản Wechat này thông báo còn có thêm 02 người nữa cũng có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, tổng cộng có 05 người và gửi số điện thoại cho Nông Văn T để liên

lạc. Nông Văn T liên lạc và đón được Lý Văn D và Đặng Mùi L rồi bảo hai người này đến quán nước bên cạnh cổng bến xe B thành phố S để chờ. Sau khi đón được những người này, Nông Văn T thông báo cho tài khoản Wechat “Định mệnh” và được người này cho biết cứ chờ ở đây, sẽ có người đến đón những người này xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Khoảng 16 giờ cùng ngày, người có tài khoản Wechat “Định mệnh” liên lạc nhờ Nông Văn T thu tiền của những người này, Nông Văn T thông báo lại cho những người này biết và đã thu được của Chu Thúy H số tiền 2600 Nhân dân tệ; có một người phụ nữ do chưa thống nhất việc trả tiền công nên Nông Văn T chưa thu được tiền; Nguyễn Thị C do không có tiền mặt nên bảo chồng sinh sống tại Trung Quốc chuyển tiền qua tài khoản Wechat, Nông Văn T thông báo lại cho người có tài khoản Wechat “Định mệnh”, người này bảo để gửi cho Nông Văn T mã QR (mã chuyển tiền). Đối với Lý Văn D và Đặng Mùi L do không có tiền, Nông Văn T bảo hai người này liên lạc với người đã giới thiệu đến. Sau đó, Lý Văn D gọi điện thoại cho P (Sử dụng số điện thoại 0911.738.485, là người đã giới thiệu bảo D và L lên bến xe B thành phố S để sang Trung Quốc làm thuê) và đưa cho Nông Văn T nói chuyện thì được người này cho biết đã liên lạc với bên Trung Quốc, cứ trao đổi với bên Trung Quốc để thu tiền của 02 người này. Đồng thời lúc này người có tài khoản Wechat “Định mệnh” gửi mã QR vào điện thoại của Nông Văn T, do Nông Văn T đang nghe điện thoại nên đã đưa điện thoại của mình cho người phụ nữ mà Nông Văn T không thu được tiền nhờ đưa cho Nguyễn Thị C để Nguyễn Thị C chuyển tiền. Sau khi nói chuyện với P, Nông Văn T liên lạc với người có tài khoản Wechat “Định mệnh” thì được người này cho biết là đã nhận được tiền; đối với 02 người là Lý Văn D và Đặng Mùi L mà Nông Văn T không thu được tiền thì được người có tài khoản Wechat này cho biết là đã có người liên lạc, sẽ có người chuyển tiền cho; còn người phụ nữ chưa thống nhất tiền công thì để đưa sang Trung Quốc sau, người này bảo Nông Văn T chờ sẽ có người đến đón. Sau khi ngồi chờ một lúc không thấy ai đón, Nông Văn T liên lạc với người có tài khoản Wechat “Định mệnh” thì được người này cho biết đã gửi số điện thoại của Nông Văn T cho người đón để liên lạc, Nông Văn T cho biết hiện vẫn chưa thấy người này liên lạc, người này bảo để gửi số điện thoại cho Nông Văn T; sau đó, người có tài khoản Wechat này gửi số điện thoại cho Nông Văn T để liên lạc.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 22/5/2020, Hứa Hồng Q đang ở thị trấn D, huyện C thì nhận được điện thoại thông qua mạng Wechat của một người đàn ông Trung Quốc tên là K (Hứa Hồng Q và người này quen nhau từ tháng 3/2019) đặt vấn đề thuê đưa 04 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc theo đường mòn thuộc xã M, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, Hứa Hồng Q nói để xem tình hình như thế nào sẽ liên lạc sau, K đồng ý và nói một lúc nữa sẽ có người liên lạc với Hứa Hồng Q. Sau đó, Hứa Hồng Q nhận được điện thoại của Nông Văn T (sử dụng số 0344690260) bảo đưa 04 người từ bến xe B thành phố S xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, Hứa Hồng Q cho biết để xem tình hình như thế nào rồi sẽ trả lời. Sau khi Nông Văn T gọi điện thoại cho Hứa Hồng Q xong, tài khoản Wechat “Định mệnh” liên lạc với Nông Văn T bảo đưa cho 04 người xuất cảnh trái phép số tiền 930 Nhân dân tệ/người để những người này trực tiếp trả tiền công cho người đưa

qua biên giới, lúc nào đón được người ở bên Trung Quốc sẽ gửi trả lại tiền cho Nông Văn T. Nông Văn T đưa cho mỗi người số tiền 930 Nhân dân tệ rồi gọi điện thoại cho Hứa Hồng Q bảo lên đón 04 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc và cho biết tiền công là 930 Nhân dân tệ/người, Hứa Hồng Q đồng ý.

Khoảng 17 giờ ngày 22/5/2020, Hứa Hồng Q gọi điện thoại cho Đoàn Quang N là người quen của Hứa Hồng Q, đặt vấn đề thuê chở 04 người từ bến xe B thành phố S vào thôn K, xã M và gửi cho N số điện thoại 03446902xx (Nông Văn T) để liên lạc, khi nào đón được những người này thì thông báo lại cho Hứa Hồng Q. Sau đó, Hứa Hồng Q gọi điện thoại cho Nông Văn T thông báo đang có xe đến đón, lúc nào có người gọi thì cho những người này lên xe, Nông Văn T hỏi tiền công như thế nào, Hứa Hồng Q cho biết sẽ gặp trực tiếp để lấy tiền. Sau khi Hứa Hồng Q cho biết như vậy, Nông Văn T đã thu lại của 04 người tổng số tiền là 3720 Nhân dân tệ. Khoảng 40 phút sau, Đoàn Quang N thông báo cho Hứa Hồng Q biết đã đón được người, Hứa Hồng Q bảo Đoàn Quang N chở những người này đến Trung tâm thương mại thị trấn D chờ Hứa Hồng Q ở đó; đồng thời lúc này Hứa Hồng Q đang đi xe máy đến bến xe B thành phố S gặp Nông Văn T để nhận tiền công 3720 Nhân dân tệ. Sau khi nhận được tiền, Hứa Hồng Q đi về Trung tâm thương mại thị trấn D, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để gặp Đoàn Quang N. Trên đường đi, Hứa Hồng Q liên lạc với K thông báo đã đón được khách và thu được 930 Nhân dân tệ/người, K bảo lấy tiền công là 500 Nhân dân tệ/người, Hứa Hồng Q hỏi lúc nào đón được người thì K cho biết khi nào đón được thì sẽ liên lạc lại. Khi gặp Đoàn Quang N tại D, Hứa Hồng Q bảo Đoàn Quang N cứ chở những người này vào trong xã M trước, Hứa Hồng Q sẽ đi sau. Sau khi Đoàn Quang N đưa những người này vào đến khu vực thôn N, xã M, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì bị lực lượng chức năng kiểm tra, Đoàn Quang N thông báo lại cho Hứa Hồng Q biết việc này. Sau đó, lực lượng chức năng đưa những người này về trụ sở để làm rõ sự việc.

Tại Bản cáo trạng số 114/CT-VKS-P2 ngày 12/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Nông Văn T, Hứa Hồng Q về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận diễn biến hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng nêu và không có ý kiến bổ sung. Các bị cáo thừa nhận biết hành vi tổ chức cho người khác sang nước ngoài không có giấy tờ của cơ quan Nhà nước theo quy định là vi phạm pháp luật nhưng do hám lời các bị cáo vẫn thực hiện, nay các bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi của mình.

Người làm chứng anh Đoàn Quang N khai: Khoảng 17 giờ ngày 22/5/2020 khi đang ở nhà, thì thấy Hứa Hồng Q gọi điện thoại đặt vấn đề thuê chở 04 người từ bến xe B thành phố S vào thôn K, xã M và gửi cho Đoàn Quang N số điện thoại có số đuôi là 260 để liên lạc, khi nào đón được những người này thì thông báo lại cho Hứa Hồng Q. Khoảng 40 phút sau, Đoàn Quang N thông báo cho Hứa Hồng Q biết đã đón được người, thì Hứa Hồng Q bảo Đoàn Quang N chở những người này đến Trung tâm thương mại thị trấn D chờ Hứa Hồng Q ở đó. Khi Đoàn Quang N gặp Hứa Hồng Q tại D, Hứa Hồng Q bảo Đoàn Quang N cứ chở những người này vào trong xã M trước, Hứa Hồng Q sẽ đi sau. Sau khi Đoàn Quang N đưa những người này vào đến khu vực

thôn N, xã M, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì bị lực lượng chức năng kiểm tra, Đoàn Quang N thông báo lại cho Hứa Hồng Q biết việc này. Sau đó, lực lượng chức năng đưa những người này về trụ sở để làm rõ sự việc thì Đoàn Quang N mới biết mục đích Hứa Hồng Q bảo chở những người này vào xã M là để Hứa Hồng Q tổ chức đưa họ xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc nên Đoàn Quang N không có liên quan đến việc đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nông Văn T, Hứa Hồng Q và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nông Văn T, Hứa Hồng Q phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn T mức án tù từ 18 đến 24 tháng tù, bị cáo Hứa Hồng Q mức án tù từ 15 đến 18 tháng tù giam.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo chưa thu được lợi, không có tài sản đảm bảo thi hành án nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự đề nghị:

Tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen, cũ đã qua sử dụng, có số IMEI 1: 356808/04/486562/4, IMEI 2: 356808/04/486563/2 và 01 (một) sim Viettel số seri: 8984 048000054817919 của bị cáo Hứa Hồng Q.

Trả lại cho bị cáo Hứa Hồng Q 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 3720 Nhân dân tệ.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Tại lời nói sau cùng các bị cáo Nông Văn T, Hứa Hồng Q xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai báo phù hợp với các chứng cứ khác và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Nông Văn T, Hứa Hồng Q tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nông Văn T, Hứa Hồng Q có hành vi đưa 04 (bốn) người xuất cảnh trái phép

sang Trung Quốc để hưởng lợi ích vật chất. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Nông Văn T, Hứa Hồng Q về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh và cư trú. Các bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường; có đầy đủ năng lực hành vi; có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo nhận thức được việc tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép ra khỏi biên giới Việt Nam mà không có giấy phép của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lợi nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an địa phương. Hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật mới có tác dụng giáo dục, răn đe đấu tranh và phòng ngừa chung.

[4] Xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án thuộc trường hợp đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò. Cả hai bị cáo đều là người thực hiện việc tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép đưa sang Trung Quốc.

[5] Để có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử còn xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo như sau:

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nông Văn T, Hứa Hồng Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về nhân thân: Bị cáo Nông Văn T, Hứa Hồng Q không có tiền án, tiền sự, nhưng bị cáo Nông Văn T ngày 29/11/2007 đã bị Tòa phúc thẩm tòa án nhân dân Tối cao tại Hà Nội xử phạt 10 năm tù giam về tội Hiếp dâm.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ mới đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự có quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng...”. Do đó, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng để đảm bảo thi hành án, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Nông Văn T, Hứa Hồng Q.

[11] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen, cũ đã qua sử dụng, có số IMEI 1: 356808/04/486562/4, IMEI 2: 356808/04/486563/2 và 01 (một) sim Viettel số seri: 8984 048000054817919 bị cáo Hứa Hồng Q dùng vào liên lạc phạm tội, cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước. Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng bạc, cũ, đã qua sử dụng, số IMEI: 353051097970004, mặt sau cạnh điện thoại có vết nứt, xác định không liên quan đến vụ án, trả lại cho bị cáo Hứa Hồng Q. Đối với số tiền 3720 Nhân dân tệ thu của bị cáo Hứa Hồng Q là số tiền do phạm tội mà có, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[12] Đối với người đàn ông tên P, sử dụng số điện thoại 0911.738.4xx, Lý Văn D và Đặng Mùi L khai nhận gặp P ngày 20/5/2020 tại bến xe tỉnh Cao Bằng, do có nhu cầu tìm việc làm nên đã đặt vấn đề với P thì được P cho biết cứ đi đến bến xe B thành phố S sẽ có người đón và đưa đi sang Trung Quốc, số điện thoại 09117384xx mà P sử dụng, Cơ quan An ninh điều tra đã phối hợp với Tổng Công ty Hạ tầng mạng (VNPT-NET) xác minh có kết quả thông tin: Triệu Kiềm P, sinh ngày 23/9/1997; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã C, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Qua ủy thác điều tra Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng đã xác minh, triệu tập ghi lời khai Triệu Kiềm P. Triệu Kiềm P khẳng định không được sử dụng số điện thoại 09117384xx. Khoảng tháng 6, tháng 7/2020, Triệu Kiềm P đi chặt mía thuê ở Trung Quốc về, gặp người phụ nữ tên R, quê ở tỉnh Bắc Kạn mượn chứng minh thư nhân dân để đăng ký sim điện thoại, Triệu Kiềm P không biết địa chỉ cụ thể của người này. Ngoài ra Cơ quan An ninh điều tra đã nhiều lần phối hợp với Công an xã T và Xã C, huyện N, tỉnh Cao Bằng tiến hành triệu tập ghi lời khai Lý Văn D và Triệu Kiềm P để làm rõ nội dung liên quan nhưng hiện Lý Văn D và Triệu Kiềm P không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì địa phương không nắm được. Số điện thoại Lý Văn D và Phúc sử dụng hiện không liên lạc được. Do đó, ngoài lời khai của Lý Văn D (trước khi khởi tố vụ án) hiện không có căn cứ nào để xác định mức độ liên quan của Phúc trong vụ án, sẽ tiếp tục điều tra có căn cứ sẽ xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[13] Đối với người phụ nữ đi cùng với Nông Văn T, Nguyễn Thị C khai nhận đã được chồng sinh sống tại Trung Quốc chuyển tiền qua tài khoản Wechat của người này. Nông Văn T khai nhận đây là người có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc do người có tài khoản Wechat “Định mệnh” cho số điện thoại để liên lạc, Nông Văn T đi ra bến xe B thành phố S và đón được người này. Sau khi T nói chuyện với người có tài khoản Wechat “Định mệnh” về việc thu tiền của Lý Văn D và Đặng Mùi L, người có tài khoản Wechat “Định mệnh” đã gửi mã QR (mã chuyển tiền) cho Nông Văn T, Nông Văn T đã nhờ người phụ nữ này đưa cho Nguyễn Thị C để Thoa chuyển tiền vào tài khoản Wechat “Định mệnh”. Sau khi không thỏa thuận thống nhất được tiền công đưa dẫn người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, Nông Văn T đã không tổ chức cho người này xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Nguyễn Thị C và Nông Văn T đều không biết họ tên, địa chỉ của người này, do đó Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ. Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[14] Đối với người có tài khoản Wechat “Định mệnh” đã đặt vấn đề với Nông Văn T đưa 05 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, Nông Văn T khai nhận chỉ biết người này tên là P người Việt Nam hiện đang sinh sống ở B, Q, Trung Quốc, nhưng không biết họ, địa chỉ cụ thể. Do không có thông tin cụ thể nên Cơ quan An ninh điều tra không tiến hành xác minh làm rõ được và không có căn cứ để thực hiện Ủy thác tư pháp đối với đối tượng này. Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[15] Đối với người đàn ông Trung Quốc tên K, là người đặt vấn đề với Hứa Hồng Q tổ chức cho 04 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Hứa Hồng Q khai quen người này từ năm 2019 khi làm bốc vác hàng hóa tại bãi đổi diện Cửa khẩu quốc tế H - Việt Nam, người này khoảng 30 tuổi, khi gặp chỉ được người này cho biết tên, không cho biết địa chỉ. Do không có thông tin cụ thể, đối tượng ở ngoài lãnh thổ Việt Nam nên Cơ quan An ninh điều tra không tiến hành xác minh làm rõ được và không có căn cứ để thực hiện Ủy thác tư pháp đối với đối tượng trên. Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[16] Đối với Đoàn Quang N, là người Hứa Hồng Q thuê đón 04 người từ bên xe B thành phố S vào trong khu vực xã M, huyện C. Hứa Hồng Q khai nhận khi đặt vấn đề chỉ nói cho Đoàn Quang N biết là đi chở 04 người khách từ bên xe B thành phố S vào trong xã M, huyện C, Hứa Hồng Q không cho Đoàn Quang N biết mục đích đưa những người này vào đây để Hứa Hồng Q tổ chức cho họ xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Đoàn Quang N khai nhận do có xe ô tô thường xuyên chở khách trên địa bàn nên khi Hứa Hồng Q đặt vấn đề đi chở khách ở bên xe B thành phố S vào xã M, huyện C cho Hứa Hồng Q, Đoàn Quang N không biết mục đích Hứa Hồng Q bảo chở những người này vào xã M để Hứa Hồng Q tổ chức đưa họ xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc nên Đoàn Quang N không có liên quan đến việc đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[17] Đối với người có tài khoản Wechat “Nhà xe Việt trung”, sử dụng số điện thoại 13168947828 mà đối tượng Chu Thúy H đã liên lạc, sau đó được người có tài khoản Wechat này cho số điện thoại 0344690260 để liên lạc, tổ chức cho xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Đối tượng khai nhận không được cho biết tên, địa chỉ của người sử dụng tài khoản Wechat này; đối với số điện thoại mà người có tài khoản Wechat này sử dụng, Cơ quan An ninh điều tra đã phối hợp với Viễn thông Lạng Sơn xác minh số điện thoại trên, nhưng không xác định được mã vùng quốc gia, do đó không có căn cứ để xác minh, làm rõ. Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[18] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[19] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[20] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nông Văn T, Hứa Hồng Q phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

2. Về hình phạt:

2.1. Hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Nông Văn T 02 (hai) năm tù giam. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 07/10/2020).

Xử phạt bị cáo Hứa Hồng Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 23/5/2020).

2.2. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Nông Văn T, Hứa Hồng Q.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen, cũ đã qua sử dụng, có số IMEI 1: 356808/04/486562/4, IMEI 2: 356808/04/486563/2 và 01 (một) sim Viettel số seri: 8984 048000054817919 của bị cáo Hứa Hồng Q.

Trả lại cho bị cáo Hứa Hồng Q 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng bạc, cũ, đã qua sử dụng, số IMEI: 353051097970004, mặt sau cạnh điện thoại có vết nứt.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 3720 Nhân dân tệ (Ba nghìn bảy trăm hai mươi) đựng trong 01 (một) phong bì có dòng chữ viết tay “Số tiền của Hứa Hồng Q đã nhận của người đàn ông có số điện thoại là 03446902xx. Tổng số tiền là 3720 (Ba nghìn bảy trăm hai mươi Nhân dân tệ)”, có 02 (hai) dấu hình tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20 tháng 11 năm 2020).

4. Về án phí: Các bị cáo Nông Văn T, Hứa Hồng Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Đội TH Công an H. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS H. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đặng Thị Duyệt